

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-PT

Ngày: 05/3/2020

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung

Các thẩm phán:

Bà Phan Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Đức Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 124/2019/DS -ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Anh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 204/4A, đường Linh Đ, phường Linh Đ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A;

Địa chỉ: Số 42, Nguyễn Thị Minh Kh, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Văn Ng, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 2/20, C, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/10/2019) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Việt Nam.

Địa chỉ: Tháp B, Hàng V, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn C, sinh năm 1971 - Chức vụ

Phó giám đốc - Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 31/01/2018) (có mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

**Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn; bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Ông có mở tài khoản cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần A (viết tắt là Ngân hàng A) số tài khoản là: 10179149. Số tiền trong tài khoản trước 16 giờ 06 phút ngày 09/3/2017 là 151.072.774 đồng. Khoảng 16 giờ ngày 09/3/2017, ông có rút tiền tại 02 máy ATM của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng Đ) tại Trường Cao đẳng nghề X đường Bùi Văn H, phường Long Bình T, thành phố . Trong các lần thực hiện giao dịch có những lần máy ATM báo quý khách chờ nhận tiền nhưng máy ATM không nhả tiền và ông tiếp tục cho thẻ vào để thực hiện giao dịch mới. Tổng số lần ông thực hiện các giao dịch thành công và không thành công thì ông không nhớ, nhưng tổng số tiền ông nhận được của các lần rút tiền là 21.000.000 đồng.

Ngày 13/3/2017, hệ thống báo biến động số dư qua điện thoại gồm 05 tin nhắn trừ tiền của ông trong tài khoản tổng cộng là 15.000.000 đồng nhưng tổng số tiền trong tài khoản của ông chỉ còn 117.029.874 đồng, tức là Ngân hàng A đã trừ của ông số tiền là 34.042.900 đồng.

Sau đó, ông đã nhiều lần làm đơn khiếu nại đến Ngân hàng A về việc ông bị trừ tiền chênh lệch và đề nghị được kiểm tra camera tại 02 trụ ATM mà ông rút tiền nhưng Ngân hàng trả lời khiếu nại không thỏa đáng. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ngân hàng A trả lại cho ông số tiền 13.000.000 đồng.

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Vũ Văn Ng trình bày:*

Ngày 16/3/2017, Ngân hàng A - Phòng giao dịch Biên Hòa có nhận thư khiếu nại của ông T với nội dung: Ngày 09/3/2017, ông T sử dụng thẻ ghi nợ 9704 xxxx xxxx 4554 để thực hiện 05 giao dịch rút tiền mặt tại 02 máy ATM của Ngân hàng Đ tại Trường Cao đẳng nghề X đường Bùi Văn H, phường Long Bình T, thành phố B nhưng ATM không chi tiền.

Ngân hàng A gửi yêu cầu Ngân hàng Đ rà soát các giao dịch rút tiền mà ông T đã thực hiện tại 02 máy ATM của Ngân hàng Đ tại Trường Cao đẳng nghề X, đường Bùi Văn H, phường Long Bình T, thành phố B vào ngày 09/3/2017. Ngân hàng Đ đã cung cấp cho Ngân hàng A các tài liệu như sau:

Nhật ký giao dịch 02 máy ATM của Ngân hàng Đ tại Trường Cao đẳng nghề X đã thể hiện rất chi tiết thời gian thực hiện, loại tiền - số tờ mà ATM đã trả cho 13 giao dịch rút tiền mặt mà ông T đã thực hiện vào ngày 09/3/2017, trong đó có 05 giao dịch mà ông T khiếu nại.

02 (hai) biên bản kiểm quỹ tiền mặt ngày 10/3/2017 tại 02 máy ATM của Ngân hàng Đ tại Trường Cao đẳng nghề X (trước thời điểm ông T khiếu nại vào ngày 16/3/2017), cụ thể:

Máy ATM số 6720009: kết quả kiểm quỹ từ ngày 08/3/2017 đến ngày 10/3/2017 không lệch, số tiền máy ATM chi ra khớp với số tiền khách hàng giao dịch thể hiện trên nhật ký giao dịch, số liệu trên hệ thống.

Máy ATM số 6720008: Kết quả kiểm quỹ từ ngày 08/3/2017 đến ngày 10/3/2017 lệch thừa 3.500.000 đồng, Ngân hàng Đ khẳng định đây là số tiền giao dịch của thẻ khác, không phải của ông T.

Ngày 24/3/2017, Ngân hàng gửi Văn bản trả lời cho ông T nêu rõ ngày 09/3/2017 ông T đã thực hiện thành công 13 giao dịch rút tiền mặt, bao gồm 05 giao dịch rút tiền mặt mỗi lần là 2.000.000 đồng và 08 lần giao dịch rút tiền mặt là 3.000.000 đồng, trong đó có 05 giao dịch mà ông T khiếu nại máy không chi tiền.

Ngày 30/3/2017, ông T tiếp tục khiếu nại đề nghị trích xuất 02 camera tại 02 máy ATM của Ngân hàng Đ tại Trường Cao đẳng nghề X trong khoảng thời gian ông T thực hiện các giao dịch vào ngày 09/3/2017. Tuy nhiên, Ngân hàng Đ cho biết tại thời điểm ông T thực hiện các giao dịch tại 02 máy ATM trên thì camera bị lỗi nên không có hình ảnh các giao dịch liên quan đến khiếu nại của ông T.

Nay ông T khởi kiện buộc Ngân hàng A trả lại cho ông số tiền 13.000.000 đồng thì Ngân hàng A không đồng ý vì qua các tài liệu chứng cứ thể hiện việc 02 máy ATM của Ngân hàng Đ tại Trường Cao đẳng nghề X đã chi đủ số tiền cho 13 lần giao dịch của ông T là 34.000.000 đồng.

** Đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Đ - Việt Nam - ông Dương Văn C trình bày:*

Ngân hàng đã rà soát các giao dịch rút tiền mà ông T đã thực hiện tại 02 máy ATM của Ngân hàng Đ tại Trường Cao đẳng nghề X đường Bùi Văn H, phường Long Bình T, thành phố B vào ngày 09/3/2017, chi tiết như sau:

Nhật ký giao dịch 02 máy ATM thể hiện rất chi tiết thời gian thực hiện, loại tiền - số tờ mà ATM đã trả cho 13 giao dịch rút tiền mặt mà ông T đã thực hiện vào ngày 09/3/2017, trong đó có 05 giao dịch mà ông T khiếu nại.

02 biên bản kiểm quỹ tiền mặt ngày 10/3/2017 tại 02 máy ATM của Ngân hàng Đ tại Trường Cao đẳng nghề X (trước thời điểm ông T khiếu nại vào ngày 16/3/2017), cụ thể:

Máy ATM số 6720009: Kết quả kiểm quỹ từ ngày 08/3/2017 đến ngày 10/3/2017 không lệch, số tiền máy ATM chi ra khớp với số tiền khách hàng giao dịch thể hiện trên nhật ký giao dịch, số liệu trên hệ thống.

Máy ATM số 6720008: Kết quả kiểm quỹ từ ngày 08/3/2017 đến ngày 10/3/2017 lệch thừa 3.500.000 đồng, Ngân hàng Đ khẳng định đây là số tiền giao dịch của thẻ khác, không phải của ông T.

Như vậy, ngày 09/3/2017 ông T đã thực hiện thành công 13 giao dịch rút tiền mặt, bao gồm 05 giao dịch rút tiền mặt mỗi lần là 2.000.000 đồng và 08 lần giao dịch rút tiền mặt là 3.000.000 đồng.

Thông qua hình ảnh lưu trữ tại camera ATM của Ngân hàng thể hiện việc 02 máy ATM của Ngân hàng Đ tại Trường Cao đẳng nghề X đã chi đủ số tiền cho 13 lần giao dịch của ông T là 34.000.000 đồng, các giao dịch này là do ông T thực hiện, không phải là giao dịch giả mạo.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 124/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố đã căn cứ các Điều 26, 35, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh T về việc “Đòi lại tài sản” đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu.

2. Về án phí: Ông Lê Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 325.000 (ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 003047 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông T còn phải nộp số tiền còn lại là 325.000 (ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/12/2019, nguyên đơn Lê Anh T kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 124/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đề nghị Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm buộc Ngân hàng A phải trả lại tài sản cho ông T số tiền 3.500.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo vô tư khách quan, trình tự phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Anh T làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng A và Ngân hàng Đ xác nhận ngày 09/3/2017 ông T đã thực hiện thành công 13 giao dịch rút tiền mặt, bao gồm 05 giao dịch rút tiền mặt mỗi lần là 2.000.000 đồng và 08 lần giao dịch rút tiền mặt là 3.000.000 đồng. Thông qua hình ảnh lưu trữ tại camera ATM của Ngân hàng thể hiện việc 02 máy ATM của Ngân hàng Đ tại Trường Cao đẳng nghề X đã chi đủ số tiền cho 13 lần giao dịch của ông T là 34.000.000 đồng, các giao dịch này là do ông T thực hiện, không phải là giao dịch giả mạo. Đồng thời, Ngân hàng Đ đã cung cấp Phiếu xác nhận giao dịch ngày 08/6/2017; Phiếu xác nhận giao dịch ngày 24/5/2017; Biên bản kiểm quỹ tiền mặt máy ATM, số máy ATM: 672008 (chữ ký từ 09 giờ 51 phút, ngày 03/3/2017 đến 14 giờ 28 phút, ngày 10/3/2017) và Biên bản kiểm quỹ máy ATM, số máy ATM: 672009 (chữ ký từ 10 giờ 56 phút, ngày 08/3/2017 đến 14 giờ 28 phút, ngày 10/3/2017) thể hiện ông T đã thực hiện thành công 13 giao dịch rút tiền mặt, bao gồm 05 giao dịch rút tiền mặt mỗi lần là 2.000.000 đồng và 08 lần giao dịch rút tiền mặt mỗi lần là 3.000.000 đồng tại 02 máy ATM của Ngân hàng Đ tại Trường Cao đẳng nghề X với tổng số tiền đã rút là 34.000.000 đồng. Ông T kháng cáo yêu cầu Ngân hàng A phải trả lại cho ông số tiền 3.500.000 đồng, ông cho rằng khi kiểm quỹ còn thừa số tiền này. Xét thấy, tại Phiếu xác nhận giao dịch ngày 08/6/2017 của Ngân hàng Đ, văn bản ngày 13/6/2017 của Ngân hàng A đã xác định số tiền thừa 3.500.000 đồng là tiền thừa của giao dịch khác không phải của thẻ ông T. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm ông T xác định, khi rút tiền ông không đếm xem mình rút được bao nhiêu tiền.

Như vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông T.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 325.000 (ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 003047 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông T còn phải nộp số tiền còn lại là 325.000 (ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001416 ngày 10/12/2019 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Anh T.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số:124/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh T về việc “Đòi lại tài sản” đối với Ngân hàng thương mại cổ phần A.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 325.000 (ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 003047 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông T còn phải nộp số tiền còn lại là 325.000 (ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001416 ngày 10/12/2019 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Nhung

